

PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI – KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Bành Quốc Tuấn¹, Nguyễn Hoàng Anh^{2*}, Nguyễn Thị Thùy²

¹Trường Đại học Thủ Dầu Một.

²Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hoàng Anh, nguyenhoanganh@dntu.edu.vn.

THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 04/08/2025

Ngày nhận bài sửa: 22/10/2025

Ngày duyệt đăng: 31/12/2025

Trọng tài thương mại;

Pháp luật Việt Nam;

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp;

Hội nhập kinh tế quốc tế;

Luật Mẫu UNCITRAL.

TÓM TẮT

Trọng tài thương mại là một phương thức hiệu quả trong việc giải quyết tranh chấp, được áp dụng phổ biến trên toàn cầu. Tại Việt Nam, mặc dù hệ thống pháp luật đã ghi nhận và cho phép áp dụng phương thức này, song thực tiễn cho thấy còn tồn tại không ít bất cập, chưa theo kịp yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài thương mại là điều cấp thiết nhằm đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích các quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại tại Việt Nam và một số quốc gia khác. Dựa trên những phân tích này, tác giả đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về trọng tài thương mại, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế ngày càng sâu rộng, trọng tài thương mại quốc tế đã được khẳng định là một trong những cơ chế giải quyết tranh chấp có tính hiệu quả, linh hoạt và phù hợp với đặc thù của quan hệ thương mại xuyên biên giới. Ở nhiều quốc gia, trọng tài thương mại không chỉ đóng vai trò hỗ trợ cho hệ thống tư pháp truyền thống mà còn trở thành một phương thức giải quyết tranh chấp ưu tiên, góp phần bảo đảm môi trường kinh doanh ổn định và

dự đoán được. Việt Nam, với tư cách là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (European Union – Vietnam Free Trade Agreement – EVFTA), đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về trọng tài thương mại nhằm đáp ứng chuẩn mực quốc tế và tạo dựng môi trường pháp lý minh bạch, ổn định.

Luật Trọng tài thương mại năm 2010 được xem là một bước tiến quan trọng trong việc thiết lập nền tảng pháp lý cho hoạt động trọng tài tại Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình thực thi còn bộc lộ những hạn chế nhất định, chẳng hạn sự thiếu rõ ràng trong việc xác định tính chất của tranh chấp, sự thiếu đồng bộ với Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cũng như khoảng trống pháp lý đối với một số loại tranh chấp mới phát sinh trong thực tiễn thương mại. Những bất cập này ít nhiều làm giảm tính hấp dẫn của cơ chế trọng tài thương mại, đồng thời ảnh hưởng đến niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư nước ngoài.

Các công trình nghiên cứu trong nước về trọng tài thương mại nhìn chung đã có những đóng góp nhất định, song đa phần tập trung vào phân tích quy định hiện hành hoặc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Việc so sánh, đối chiếu với pháp luật quốc tế và thực tiễn áp dụng tại các quốc gia điển hình như Hoa Kỳ, Singapore, Trung Quốc còn chưa được khai thác sâu. Xuất phát từ khoảng trống này, bài viết kế thừa những thành quả nghiên cứu trước đó, đồng thời nhấn mạnh vào việc phân tích đối chiếu để rút ra các bài học kinh nghiệm phù hợp cho Việt Nam trong tiến trình cải cách pháp luật.

Điểm mới của nghiên cứu là ở cách tiếp cận kết hợp giữa đánh giá các hạn chế hiện hữu trong pháp luật Việt Nam với việc tham chiếu kinh nghiệm quốc tế. Từ đó, bài viết đề xuất các khuyến nghị mang tính khả thi nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả áp dụng cơ chế trọng tài thương mại trong thực tiễn. Bài viết đóng góp một góc nhìn khoa học, gợi mở thêm các hướng tiếp cận cho quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật trọng tài ở Việt Nam theo hướng hội nhập và phát triển bền vững.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp linh hoạt giữa phân tích pháp lý, phân tích chính sách, phương pháp so sánh

luật và phân tích chủ đề. Mục tiêu là làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại, từ đó đề xuất các khuyến nghị hoàn thiện khung pháp lý tại Việt Nam dựa trên kinh nghiệm quốc tế.

Thứ nhất, phương pháp phân tích pháp lý được sử dụng để hệ thống hóa và đánh giá các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại. Nội dung phân tích tập trung vào Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhằm xác định rõ ranh giới thẩm quyền giữa trọng tài và tòa án, cũng như những điểm bất cập, chồng chéo hoặc thiếu cụ thể trong thực tiễn áp dụng.

Thứ hai, phương pháp so sánh luật được vận dụng để đối chiếu quy định pháp luật của Việt Nam với kinh nghiệm lập pháp và thực tiễn giải quyết tranh chấp tại một số quốc gia có hệ thống trọng tài phát triển như Hoa Kỳ, Singapore, Trung Quốc. Việc lựa chọn các quốc gia này dựa trên các tiêu chí: (i) có khung pháp lý minh bạch và hiệu quả về trọng tài thương mại; (ii) được công nhận là trung tâm trọng tài quốc tế khu vực; (iii) có sự phân định rõ ràng giữa thẩm quyền của tòa án và trọng tài. Qua đó, bài viết làm nổi bật những điểm tương đồng và khác biệt, rút ra bài học kinh nghiệm phù hợp với điều kiện pháp lý Việt Nam.

Thứ ba, phân tích chính sách được triển khai nhằm đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật trọng tài ở Việt Nam, đặc biệt là các vấn đề phát sinh liên quan đến việc xác định thẩm quyền của trọng tài trong giải quyết tranh chấp hợp đồng, các vụ việc bị tòa án bác bỏ phán quyết trọng tài, hoặc bị can thiệp trong quá trình giải quyết. Phân tích này góp phần lý giải nguyên nhân hiệu lực thi hành của các phán quyết trọng tài còn hạn chế, từ đó đặt ra yêu cầu cải cách thể chế bảo vệ tính độc lập và hiệu lực của trọng tài thương mại.

Thứ tư, phương pháp phân tích chủ đề được sử dụng nhằm làm rõ các nội dung pháp lý trọng tâm về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại, bao gồm nguyên tắc thỏa thuận trọng tài; tiêu chí xác định thẩm quyền của trọng tài; và vai trò hỗ trợ, giám sát của Tòa án. Phân tích được thực hiện trên cơ sở pháp luật hiện hành, thực tiễn xét xử và tài liệu quốc tế nhằm chỉ ra những bất cập và định hướng hoàn thiện pháp luật phù hợp với yêu cầu hội nhập. Quá trình nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế sâu rộng trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp thương mại. Nguồn dữ liệu nghiên cứu chủ yếu gồm văn bản quy phạm pháp luật, án lệ, báo cáo thực tiễn của các trung tâm trọng tài, tài liệu học thuật và các nghiên cứu điển hình từ quốc tế. Việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính nêu trên giúp bài viết tiếp cận vấn đề một cách hệ thống và toàn diện, từ đó đưa ra các khuyến nghị có giá trị thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của trọng tài thương mại tại Việt Nam.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại tại Việt Nam và một số quốc gia khác

3.1.1. Quy định của pháp luật Việt Nam

Khoản 1 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định rằng trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại. Quy định này khẳng định tính chất đặc thù của cơ chế trọng tài chỉ giải quyết những tranh chấp gắn liền với giao dịch kinh doanh, nhằm bảo đảm tính tập trung vào lĩnh vực thương mại. Cách tiếp cận này tương đồng với thông lệ quốc tế, khi “tính thương mại” thường được coi là tiêu chí then chốt để xác định khả năng trọng tài hóa (Born, 2021). Nhờ đó, trọng tài trở thành một cơ chế giải quyết tranh chấp phù hợp với yêu

cầu nhanh chóng, linh hoạt và chuyên nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, Luật 2010 mở rộng phạm vi áp dụng đối với các tranh chấp trong đó có ít nhất một bên thực hiện hoạt động thương mại. Quy định này phản ánh đúng định hướng cải cách tư pháp của Đảng về khuyến khích các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (Ban Chấp hành Trung ương, 2005). Tuy nhiên, ở nhóm tranh chấp này, học giới và thực tiễn đã ghi nhận mâu thuẫn trong việc xác định bản chất pháp lý của quan hệ. Luật Thương mại năm 2005 cho phép chủ thể không vì mục tiêu sinh lợi được lựa chọn áp dụng Luật này (Quốc hội, 2005, Điều 1.3). Khi lựa chọn, quan hệ sẽ được điều chỉnh như một quan hệ thương mại; ngược lại, nếu không lựa chọn, bản chất quan hệ vẫn là dân sự. Điều này khiến việc phân định dân sự thương mại trở nên thiếu thống nhất.

Để khắc phục bất cập trên, cần vận dụng “Test hai bước” được giới nghiên cứu quốc tế khuyến nghị (Gaillard & Savage, 1999). Bước thứ nhất là xác định bản chất khách quan của quan hệ pháp luật theo quy định nội luật quan hệ đó vốn mang tính thương mại hay dân sự. Bước thứ hai là kiểm tra thỏa thuận của các bên việc lựa chọn Luật Thương mại hoặc đưa tranh chấp ra trọng tài chỉ mang ý nghĩa thủ tục, không làm thay đổi bản chất quan hệ gốc. Như vậy, một tranh chấp dân sự có thể được giải quyết tại trọng tài, nhưng vẫn giữ nguyên bản chất dân sự. Khoản 1 Điều 14 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng khẳng định rằng phương thức giải quyết tranh chấp không làm biến đổi bản chất pháp lý của quan hệ. Đây là cơ sở quan trọng để tránh sự ngộ nhận rằng chỉ cần có thỏa thuận trọng tài là quan hệ mặc nhiên trở thành thương mại.

Ngoài hai nhóm tranh chấp trên, Luật 2010 còn mở rộng thẩm quyền của trọng tài đối với “các tranh chấp khác do pháp luật quy định”. Đây là bước tiến quan trọng so với Pháp lệnh Trọng

tài thương mại năm 2003, bởi nó cho phép dự liệu khả năng mở rộng thẩm quyền cho những lĩnh vực pháp lý mới. Tuy nhiên, đề quy định này thực sự có giá trị, cần sự cụ thể hóa từ các văn bản chuyên ngành. Thực tiễn cho thấy sự thiếu đồng bộ giữa Luật Trọng tài thương mại 2010 và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đã dẫn đến nhiều vụ việc tòa án vẫn thụ lý giải quyết dù có thỏa thuận trọng tài, gây nên xung đột thẩm quyền (Nguyễn & Bùi, 2020). Điều này làm giảm hiệu quả của cơ chế trọng tài và tạo ra sự thiếu chắc chắn cho các bên trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp.

Tóm lại, pháp luật Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý ba tầng về thẩm quyền của trọng tài thương mại, vừa tiệm cận thông lệ quốc tế, vừa phản ánh đặc thù nội luật. Tuy nhiên, những bất cập trong việc phân loại tranh chấp và sự thiếu đồng bộ với Bộ luật Tố tụng dân sự đòi hỏi phải có sự điều chỉnh nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả, đồng thời củng cố uy tín của trọng tài thương mại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

3.1.2. Quy định của một số quốc gia trên thế giới

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế sâu rộng, trọng tài thương mại quốc tế ngày càng khẳng định vị thế là một phương thức giải quyết tranh chấp chủ đạo trong thương mại quốc tế. Các quốc gia đều phát triển hệ thống pháp luật nhằm khuyến khích và bảo vệ cơ chế trọng tài, nhưng cách tiếp cận khác biệt đáng kể, đặc biệt liên quan đến phạm vi thẩm quyền, vai trò của tòa án và tiêu chí công nhận thi hành phán quyết. Dựa trên khung lý thuyết “sáu trụ cột” về thẩm quyền trọng tài, gồm: (i) khả năng trọng tài hóa (Arbitrability), (ii) nguyên tắc (Competence–competence), (iii) tính độc lập của thỏa thuận trọng tài (Separability), (iv) vai trò hỗ trợ và giám sát của tòa án, (v) tiêu chuẩn xem xét và hủy bỏ phán quyết, và (vi) cơ chế công nhận thi hành

phán quyết, phần này sẽ phân tích các quy định của Hoa Kỳ, Singapore và Trung Quốc nhằm rút ra bài học cho Việt Nam.

Tại Hoa Kỳ, Đạo luật Trọng tài Liên bang năm 1925 (Federal Arbitration Act – FAA) đặt nền tảng pháp lý mạnh mẽ cho việc công nhận và thi hành thỏa thuận trọng tài. Nguyên tắc separability được xác lập trong vụ *Prima Paint* và *Flood & Conklin* (1967) khẳng định điều khoản trọng tài tồn tại độc lập với hợp đồng chính, bảo đảm hiệu lực của trọng tài ngay cả khi hợp đồng chính bị tranh chấp về hiệu lực. Đồng thời, nguyên tắc Competence–competence được phát triển qua án lệ *First Options* và *Kaplan* (1995), theo đó tòa án mặc định có quyền quyết định tính trọng tài hóa trừ khi các bên có “ủy quyền rõ ràng và không thể nhầm lẫn” cho trọng tài. Gần đây, trong *Henry Schein* và *Archer & White* (2019) Tòa án Tối cao đã bác bỏ học thuyết “Wholly Groundless”, khẳng định tòa án không được phủ nhận thẩm quyền của trọng tài ngay cả khi cho rằng yêu cầu là vô căn cứ. Bên cạnh đó, vai trò của Tòa án Mỹ chủ yếu mang tính hỗ trợ, được minh chứng qua phán quyết trong vụ *Moses H. Cone kiện Mercury Construction* (1983), nhấn mạnh chính sách liên bang ủng hộ trọng tài. Sự bảo vệ mạnh mẽ thỏa thuận trọng tài còn thể hiện trong vụ *AT&T Mobility kiện Concepcion* (2011), khi Tòa án Tối cao khẳng định Đạo luật Trọng tài Liên bang có giá trị tối cao so với luật tiểu bang, kể cả khi luật tiểu bang đặt ra các giới hạn nhằm bảo vệ người tiêu dùng. Cách tiếp cận này cho thấy hệ thống pháp luật Hoa Kỳ ưu tiên tính dự báo và hiệu lực của trọng tài, đồng thời hạn chế tối đa sự can thiệp tư pháp (Rau, 2019). Singapore lại nổi bật với việc xây dựng một môi trường pháp lý “thân thiện với trọng tài”. Hệ thống pháp luật bao gồm Luật Trọng tài năm 2002 (Arbitration Act 2002) dành cho trọng tài nội địa và Luật Trọng tài Quốc tế năm 1994 (International Arbitration Act 1994 – IAA) dành cho trọng tài quốc tế, trong đó IAA được xây

dựng dựa trên Luật Mẫu UNCITRAL năm 2006 (UNCITRAL Model Law 2006). Cả hai đạo luật đều ghi nhận nguyên tắc Competence–Competence và Separability, đồng thời trao quyền rộng rãi cho trọng tài viên trong việc xác định thẩm quyền và hiệu lực thỏa thuận trọng tài. Án lệ Singapore cũng làm phong phú khung lý luận này, tiêu biểu như vụ Astro Nusantara và First Media (2013) SGCA 57, phân biệt rõ cơ chế hủy phán quyết (Set Aside) và từ chối thi hành (Resisting Enforcement), qua đó nâng cao tính minh bạch. Vụ FirstLink và GT Payment (2014) SGHCR 12 cũng khẳng định xu hướng bảo vệ tối đa thỏa thuận trọng tài, ngay cả khi hợp đồng không xác định rõ luật áp dụng. Ngoài ra, Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore năm 2023 (Singapore International Arbitration Centre Rules 2023 – SIAC Rules 2023) đã bổ sung nhiều cải tiến về bảo mật, biện pháp khẩn cấp và quyền của trọng tài viên, giúp tăng tính hiệu quả và độ tin cậy (Tan, 2020). Với những nền tảng này, Singapore trở thành hình mẫu trong việc kết hợp chuẩn mực quốc tế với cơ chế nội địa, đồng thời khẳng định vị thế là trung tâm trọng tài hàng đầu khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Trung Quốc áp dụng cách tiếp cận thận trọng hơn với Luật Trọng tài năm 1994 (Arbitration Law of the People’s Republic of China 1994, sửa đổi 2017) cùng với quy tắc của các tổ chức trọng tài như Ủy ban Trọng tài Kinh tế và Thương mại Quốc tế Trung Quốc (China International Economic and Trade Arbitration Commission – CIETAC) và Trung tâm Trọng tài Bắc Kinh (Beijing Arbitration Commission – BAC). Luật công nhận nguyên tắc Competence–Competence và Separability, song đặt ra yêu cầu hình thức nghiêm ngặt thỏa thuận trọng tài phải xác định rõ tổ chức trọng tài, nếu không sẽ bị coi là vô hiệu. Tòa án Trung Quốc giữ vai trò kiểm soát mạnh mẽ, bao gồm quyền hủy bỏ phán quyết trong các trường hợp vi phạm thủ tục hoặc trái

với chính sách công (Điều 54–58). Vụ *Tianjin North International Trade Corp. kiện Taiwanese Foreign Trade and Investment Development Corp.* (2011) cho thấy sự can thiệp đáng kể của Tòa án Nhân dân Tối cao Trung Quốc khi từ chối công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài với lý do phán quyết này vi phạm trật tự công cộng. Điều này phản ánh sự ưu tiên bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì trật tự pháp lý trong nước, mặc dù Trung Quốc vẫn là thành viên Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết Trọng tài Nước ngoài (*New York Convention 1958*) (Fan, 2018).

So sánh ba hệ thống pháp luật cho thấy, Hoa Kỳ mở rộng tối đa phạm vi trọng tài hóa và hạn chế sự can thiệp tư pháp, trong khi Singapore hài hòa giữa chuẩn mực quốc tế và thực tiễn nội địa, còn Trung Quốc áp dụng cách tiếp cận thận trọng, đặt nặng kiểm soát tư pháp và chính sách công. Sự khác biệt này minh chứng tính đa dạng trong thiết kế pháp luật trọng tài quốc gia, đồng thời nhấn mạnh rằng Việt Nam cần tiếp cận có chọn lọc. Đặc biệt, việc xây dựng ma trận “sáu trụ cột” không chỉ giúp phân tích các hệ thống pháp luật so sánh mà còn cung cấp khung lý luận để đánh giá mức độ tương thích của Luật Trọng tài Thương mại Việt Nam năm 2010 với thông lệ quốc tế. Trên cơ sở đó, Việt Nam có thể điều chỉnh nhằm mở rộng phạm vi trọng tài hóa, ghi nhận rõ nguyên tắc Negative Competence–Competence, thu hẹp phạm vi “chính sách công”, đồng thời củng cố cơ chế công nhận thi hành phán quyết trọng tài quốc tế. Những cải cách này không chỉ góp phần giảm thiểu chồng lấn thẩm quyền giữa trọng tài và tòa án mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh pháp lý của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

3.2. Đối chiếu pháp luật về thẩm quyền trọng tài Việt Nam trong tương quan quốc tế

Qua việc khảo cứu pháp luật của Việt Nam, Hoa Kỳ, Singapore và Trung Quốc, có thể nhận

thấy sự đa dạng trong cách tiếp cận đối với thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại. Việt Nam với Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 đã đánh dấu bước tiến quan trọng so với Pháp lệnh năm 2003 khi mở rộng phạm vi thẩm quyền, tuy nhiên vẫn tồn tại khoảng trống trong việc phân định rõ ràng giữa tranh chấp dân sự và tranh chấp thương mại. Việc thiếu tiêu chí cụ thể dẫn đến nguy cơ chồng lấn thẩm quyền giữa trọng tài và tòa án theo Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, từ đó làm giảm tính dự báo của hệ thống pháp luật. So với các quốc gia có truyền thống trọng tài lâu đời, Việt Nam còn thiếu một khung lý thuyết hệ thống để định vị và so sánh mức độ hội nhập pháp luật của mình với thông lệ quốc tế.

Hoa Kỳ, với Đạo luật Trọng tài Liên bang năm 1925, thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ đối với trọng tài, coi đây là phương thức giải quyết tranh chấp được ưu tiên. Thông qua các án lệ như *Prima Paint Corp. kiện Flood & Conklin* (1967), *Moses H. Cone Memorial Hospital kiện Mercury Construction Corp.* (1983), *First Options of Chicago kiện Kaplan* (1995) hay *AT&T Mobility LLC kiện Concepcion* (2011), hệ thống pháp luật Hoa Kỳ đã phát triển các nguyên tắc như tính độc lập của điều khoản trọng tài (*Separability*), nguyên tắc thẩm quyền xét xử của trọng tài viên đối với chính thẩm quyền của mình (*competence-competence*), cũng như cơ chế tòa án hỗ trợ nhưng hạn chế can thiệp. Cách tiếp cận này góp phần tạo dựng môi trường pháp lý bảo vệ thỏa thuận trọng tài một cách nhất quán và có tính ràng buộc cao.

Singapore thể hiện một mô hình kết hợp giữa luật quốc gia và thông lệ quốc tế thông qua Luật Trọng tài năm 2002 (*Arbitration Act*) đối với trọng tài nội địa và Luật Trọng tài Quốc tế năm 1994 (*International Arbitration Act – IAA*) đối với trọng tài có yếu tố nước ngoài. Cả hai văn bản này, cùng với Quy tắc Trọng tài của Trung

tâm Trọng tài Quốc tế Singapore năm 2023 (*Singapore International Arbitration Centre Rules – SIAC Rules 2023*), đã định hình một cơ chế pháp lý hiện đại, minh bạch và thân thiện với trọng tài. Nguyên tắc *Separability* và *Competence-Competence* được ghi nhận trực tiếp trong luật, trong khi các án lệ như *Astro Nusantara kiện Lippo* (2013) và *FirstLink Investments kiện GT Payment* (2014) khẳng định sự ủng hộ mạnh mẽ của Tòa án Singapore đối với trọng tài quốc tế. Hơn nữa, việc chú trọng bảo mật và tăng cường khả năng thi hành phán quyết đã đưa Singapore trở thành một trong những trung tâm trọng tài hàng đầu thế giới.

Trung Quốc, với Luật Trọng tài năm 1994 (*Arbitration Law of the People's Republic of China*), thể hiện một cách tiếp cận thận trọng hơn. Mặc dù luật này công nhận nguyên tắc *Competence-Competence* và trao quyền cho trọng tài viên xác định hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, Tòa án Trung Quốc vẫn giữ vai trò kiểm soát đáng kể, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến chính sách công.

Nếu so sánh trên cơ sở sáu trụ cột của thẩm quyền trọng tài bao gồm (1) phạm vi đối tượng và chủ thể có thể đưa ra trọng tài (*Arbitrability*), (2) nguyên tắc *competence-competence*, (3) nguyên tắc *Separability*, (4) vai trò hỗ trợ và giám sát của tòa án, (5) tiêu chuẩn xem xét và hủy phán quyết, và (6) công nhận và thi hành phán quyết có thể thấy Việt Nam mới chỉ đạt mức độ tiệm cận ở một số khía cạnh. Trong khi Hoa Kỳ và Singapore thể hiện sự bảo vệ mạnh mẽ và rõ ràng đối với trọng tài, Trung Quốc lại nhấn mạnh yếu tố kiểm soát tư pháp. Việt Nam hiện nay vẫn thiếu các tiêu chí minh bạch để phân loại tranh chấp, còn mơ hồ về ranh giới giữa trọng tài và tòa án, và chưa phát triển đầy đủ các chuẩn mực hủy phán quyết. Điều này cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện Luật Trọng tài Thương mại 2010 theo hướng tiệm cận với Luật Mẫu

UNCITRAL năm 2006 (UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration, 2006), đồng thời gắn kết với thực tiễn thi hành phán quyết tại Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế.

4. KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm quốc tế, có thể rút ra nhiều bài học để hoàn thiện hệ thống pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam. Các khuyến nghị không chỉ nhằm khắc phục khoảng trống và bất cập đã nêu, mà còn hướng tới xây dựng một cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả, dự báo được và phù hợp với thông lệ toàn cầu.

Thứ nhất, sửa đổi Luật Trọng tài Thương mại 2010 trên cơ sở tiệm cận Luật Mẫu Trọng tài Thương mại Quốc tế của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế. Hiện Luật Trọng tài Thương mại 2010 mới chỉ tiếp thu một phần của Luật Mẫu 1985, thiếu nhiều nội dung cốt lõi như cơ chế công nhận và thi hành biện pháp tạm thời của hội đồng trọng tài (Chương IV A), nguyên tắc Competence–Competence tiêu cực, và các quy định hiện đại về Arbitrability. Việc sửa đổi này sẽ tạo sự hài hòa với pháp luật quốc tế, nâng cao mức độ tương thích khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới, đồng thời tăng khả năng công nhận phán quyết trọng tài Việt Nam ở nước ngoài (Moses, 2021; UNCITRAL, 2006).

Thứ hai, xác lập thẩm quyền trọng tài dựa trên tính chất quyền tài sản (Rights in Personan) thay vì giới hạn bởi “tính chất thương mại”. Mô hình của Singapore và nhiều quốc gia cho thấy, việc phân định Arbitrability theo phạm vi quyền có thể định lượng, chuyển nhượng (ví dụ: hợp đồng mua bán, đầu tư, tài chính) sẽ giúp mở rộng khả năng tiếp cận trọng tài mà vẫn loại trừ các lĩnh vực không thể trọng tài hóa (bất động sản liên quan đăng ký, hôn nhân, phá sản) (International Arbitration Act, 1994; Born, 2021). Điều này đặc biệt quan trọng trong bối

cảnh kinh tế số, nơi tranh chấp tài sản trí tuệ, dữ liệu và dịch vụ xuyên biên giới ngày càng nhiều và chưa được pháp luật Việt Nam điều chỉnh rõ ràng.

Thứ ba, hài hòa hóa Luật Trọng tài Thương mại 2010 với Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và các luật chuyên ngành. Thực tiễn hiện nay ghi nhận sự mâu thuẫn trong áp dụng, điển hình là sự khác biệt giữa Quyết định số 393/2017/QĐ-PQTT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (công nhận thẩm quyền trọng tài) và Quyết định số 03/2018/QĐ-PQTT của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội (xác định thẩm quyền tòa án). Để khắc phục, cần có nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao, đưa ra một “Test ba bước” thống nhất: (i) kiểm tra hiệu lực thỏa thuận trọng tài; (ii) xác định phạm vi arbitrability; (iii) phân định rõ vai trò tòa án và trọng tài (Đỗ, 2020). Sự hài hòa này sẽ giảm thiểu rủi ro “song trùng thẩm quyền” và củng cố niềm tin của nhà đầu tư quốc tế.

Thứ tư, xác lập cơ chế kiểm soát tư pháp hợp lý theo hướng “tòa án hỗ trợ trọng tài quyết định”. Kinh nghiệm Hoa Kỳ (First Options of Chicago v. Kaplan, 1995) và Singapore (Astro v. Lippo, 2013) cho thấy, tòa án chỉ nên can thiệp ở mức thủ tục (Stay of Proceedings, Interim Measures, công nhận phán quyết) mà không xét lại nội dung tranh chấp. Điều này bảo đảm tính độc lập, hiệu quả của trọng tài, đồng thời duy trì niềm tin vào khả năng bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong trường hợp có vi phạm chính sách công. Việt Nam cần sửa đổi Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại 2010 (về hủy phán quyết) theo hướng thu hẹp căn cứ hủy, tiệm cận chuẩn mực Quốc tế.

Thứ năm, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế. Một hệ thống trọng tài hiện đại đòi hỏi trọng tài viên, luật sư và thẩm phán được đào tạo bài bản, tiếp cận chuẩn

mức quốc tế (Born, 2021). Việt Nam cần triển khai lộ trình ba giai đoạn: (i) ngắn hạn (1–2 năm) ban hành hướng dẫn tư pháp và đào tạo trọng tài viên về Luật Mẫu UNCITRAL 2006; (ii) trung hạn (3–5 năm) sửa đổi Luật Trọng tài Thương mại 2010 và xây dựng trung tâm trọng tài chuyên ngành (ví dụ: trọng tài hàng hải, trọng tài sở hữu trí tuệ); (iii) dài hạn (>5 năm) hội nhập sâu với các tổ chức quốc tế (ICC, SIAC, CIETAC) và xây dựng Việt Nam thành điểm đến trọng tài khu vực.

Những khuyến nghị trên, nếu được thực thi đồng bộ, sẽ không chỉ khắc phục những bất cập hiện nay mà còn góp phần nâng cao chỉ số cạnh tranh toàn cầu, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, tăng tỷ lệ công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài và tạo niềm tin vững chắc cho các nhà đầu tư.

5. KẾT LUẬN

Trọng tài thương mại ngày càng khẳng định vai trò là cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Pháp luật Việt Nam, dù đã có bước tiến quan trọng với Luật Trọng tài Thương mại năm 2010, vẫn tồn tại hạn chế về phạm vi thẩm quyền và sự thiếu đồng bộ với Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. So sánh với kinh nghiệm từ Hoa Kỳ, Singapore và Trung Quốc cho thấy Việt Nam cần tiếp cận theo chuẩn mực của Luật Mẫu UNCITRAL, mở rộng thẩm quyền dựa trên tính chất quyền tài sản, hài hòa quy định pháp luật nội bộ và tăng cường cơ chế hỗ trợ giám sát của tòa án. Việc cải cách này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả, tính dự đoán và khả năng thi hành phán quyết trọng tài, mà còn góp phần củng cố niềm tin của cộng đồng đầu tư, tạo dựng môi trường pháp lý minh bạch, hiện đại và phù hợp với xu thế toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Arbitration Act. (2002). *Arbitration Act 2002 (Singapore)*. Singapore Statutes Online.

Astro Nusantara International BV v. PT Ayunda Prima Mitra, (2013) SGCA 57 (Singapore Court of Appeal).

AT&T Mobility LLC v. Concepcion, 563 U.S. 333 (2011).

Ban Chấp hành Trung ương. (2005). *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

Born, G. B. (2021). *International commercial arbitration* (3rd ed.). Alphen aan den Rijn: Kluwer Law International.

Bộ luật Dân sự. (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bộ luật Tố tụng dân sự. (2015). *Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13*. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards. (1958). *United Nations Treaty Series*, 330, 3. (New York Convention).

Đỗ, V. Đ. (2020). *Pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Fan, K. (2018). Judicial control over arbitration in China: Past, present and future. *Journal of International Arbitration*, 35(3), 313–338.

Federal Arbitration Act. (1925). 9 U.S.C. §§ 1–14.

FirstLink Investments Corp Ltd v. GT Payment Pte Ltd, [2014] SGHCR 12 (Singapore High Court).

Gaillard, E., & Savage, J. (1999). *Fouchard Gaillard Goldman on international commercial arbitration*. The Hague: Kluwer Law International.

- International Arbitration Act. (1994). *International Arbitration Act 1994 (Singapore)*. Singapore Statutes Online.
- Luật Thương mại. (2005). *Luật Thương mại số 36/2005/QH11*. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật Trọng tài thương mại. (2010). *Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12*. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật Trọng tài Trung Quốc. (1994). *Zhonghua Renmin Gongheguo Zhongcai Fa (中华人民共和国仲裁法)*.
- Moses, M. L. (2021). *The principles and practice of international commercial arbitration* (4th ed.). Cambridge: Cambridge University Press.
- Moses H. Cone Memorial Hospital v. Mercury Construction Corp., 460 U.S. 1 (1983).
- Nguyễn, V. A., & Bùi, T. H. (2020). Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại trong mối quan hệ với tòa án. *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, 27(4), 45–56.
- Nguyễn, V. T. (2017). Bình luận khoa học Luật Trọng tài thương mại Việt Nam 2010. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (17), 45–53.
- Prima Paint Corp. v. Flood & Conklin Manufacturing Co., 388 U.S. 395 (1967).
- Quy tắc Trọng tài BAC. (2021). *Beijing Arbitration Commission Arbitration Rules 2021*. Beijing: BAC.
- Rau, A. S. (2019). Everything you really need to know about “separability” in seventeen simple propositions. *American Review of International Arbitration*, 30(3), 1–39.
- Singapore International Arbitration Centre. (2023). *SIAC Annual Report 2023*. Singapore: SIAC.
- Singapore International Arbitration Centre. (2023). *Arbitration Rules of the Singapore International Arbitration Centre (SIAC Rules 2023)*. Singapore: SIAC.
- Tan, D. (2020). Developments in Singapore arbitration: A new decade of growth. *Asian International Arbitration Journal*, 16(2), 115–137.
- Tianjin North International Trade Corp. v. Taiwanese Foreign Trade and Investment Development Corp., (2011). Supreme People’s Court of China.
- United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL). (2006). *UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration 2006 (with amendments)*. United Nations.

LEGAL FRAMEWORK ON JURISDICTION OF COMMERCIAL ARBITRATION IN DISPUTE RESOLUTION – INTERNATIONAL EXPERIENCES AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

Banh Quoc Tuan¹, Nguyen Hoang Anh^{2*}, Nguyen Thi Thuy²

¹*Thu Dau Mot University.*

²*Dong Nai Technology University.*

*Corresponding author: *Nguyen Hoang Anh, nguyenhoanganh@dntu.edu.vn.*

GENERAL INFORMATION

Received date: 04/08/2025

Revised date: 22/10/2025

Accepted date: 31/12/2025

KEYWORD

Commercial arbitration;

VietNameese law,

Dispute resolution authority;

International economic integration;

UNCITRAL Model Law.

ABSTRACT

Commercial arbitration is an effective method of resolving disputes, widely applied globally. Although Vietnamese law has a mechanism to resolve disputes by commercial arbitration, there are still many limitations that cannot meet the needs of international economic integration. In this context, researching and perfecting the law on commercial arbitration is necessary to meet practical requirements. Within the scope of this article, the author analyzes legal regulations on the dispute resolution authority of commercial arbitration in Vietnam and some other countries. Based on these analyses, the author makes proposals to improve legal regulations on commercial arbitration to better meet the needs of international economic integration.